TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:165/2019/DS-PT
Ngày: 25-9-2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 141/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019; về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Th (Ph), sinh năm 1968 (có mặt)

Cư trú: Ấp T, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Ngọc Thúy H (D), sinh năm 1969 (có mặt)

Cư trú: Ấp T, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bà Trần Ngọc Thúy H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày: Khoảng năm 2017, do quen biết nhau, nên bà Trần Ngọc Thúy H có nhờ bà vay dùm các khoản tiền như sau:

Ngày 08/6/2017, vay số tiền 30.000.000đ

Ngày 14/6/2017, vay số tiền 10.000.000đ

Ngày 29/6/2017, vay số tiền 10.000.000đ

Trong 03 khoản vay này thì bà H có trả được 6.000.000đ với hình thức góp hằng ngày mỗi ngày 200.000đ (góp được 6.000.000đ thì bà H không góp nữa), việc vay tiền không có làm biên nhận nhưng có bà Nguyễn Thị Ngọc D biết.

Ngoài ra, bà H có tham gia dây hụi do bà làm chủ mở ngày 03/10/2016, dây hụi gồm 17 phần, mỗi phần 3.000.000đ, bà H hốt hụi và chầu hụi chết lại được 14 lần, còn nợ lại 02 lần 6.000.000đ.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Ngọc Thúy H trả cho bà tổng số tiền còn nợ là 50.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Ngọc Thúy H trình bày: Đối với số tiền ngày 08/6/2017, 30.000.000đ bà không có vay, không biết số tiền này.

Đối với số tiền vay ngày 14/6/2017 và ngày 29/6/2017 bà thừa nhận có vay nhưng không nhớ rõ thời gian vay khi nào, nhưng bà nhớ đã trả hết không còn nợ bà Th nữa. Bà trả thành 03 đợt, đợt 1 trả 7.000.000đ, đợt 2 trả 6.000.000đ và đợt 3 trả 3.000.000đ.

Đối với dây hụi 3.000.000đ do bà Th làm chủ bà thừa nhận có tham gia và còn nợ 02 lần chưa chầu là 6.000.000đ.

Nay, bà Th khởi kiện bà thì bà chỉ đồng ý trả bà Th số tiền 6.000.000đ của dây hụi 3.000.000đ còn nợ. Xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ đến dứt nợ.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà không có bà con thân thuộc gì với bà Th và bà H, đối với các khoản tiền vay giữa bà Th và bà H thì bà không có chứng kiến việc bà Th giao tiền cho bà H mà bà chỉ nghe bà Th nói lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 21/5/2019 của Toà án nhân dân huyện TB đã quyết định:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với bà Trần Ngọc Thúy H về khoản tiền vay 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với bà Trần Ngọc Thúy H.

- Buộc bà Trần Ngọc Thúy H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Th số tiền nợ hụi: 6.000.000đ và khoản tiền vay 14.000.000đ. Tổng cộng là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với bà Trần Ngọc Thúy H về khoản vay 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*.

Bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/6/2019, bà Trần Ngọc Thúy H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem

xét lại không đồng ý trả cho bà Phạm Thị Th số tiền 14.000.000đ nợ vay.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và xác định không cung cấp chứng cứ gì mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm đã xét xử.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Tôi thống nhất theo Bản án sơ thẩm, bởi vì bà H thật sự chưa trả cho tôi hết các khoản tiền trả góp;

Bị đơn trình bày: Tôi thừa nhận còn nợ tiền hụi 6.000.000đ, tôi đồng ý trả; còn số tiền vay hai lần 20.000.000đ tôi thừa nhận có vay, nhưng đã trả hết rồi, nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay cho thấy cấp sơ thẩm xử buộc bà H trả tiền hụi 6.000.000đ và tiền vay 14.000.000đ cho bà Th là có căn cứ; bà H kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 của Bộ luật dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ y án sơ thẩm; bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Trần Ngọc Thúy H nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được chấp xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập lần 2 có mặt đầy đủ, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì thấy,

[3.1] Đối với số tiền nợ hụi 6.000.000đ, tại phiên tòa bà Hthừa nhận có chơi hụi và còn nợ hụi bà Th 6.000.000đ, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; cấp sơ thẩm xử buộc bà H trả tiền hụi cho bà Th 6.000.000đ là có căn cứ;

[3.2] Đối với số tiền vay 20.000.000đ, tại phiên tòa bà H thừa nhận có vay trả góp của bà Th 02 lần, mỗi lần 10.000.000đ, còn thời gian lâu quá không nhớ rõ nhưng cho rằng đã trả hết không còn thiếu. Trong khi đó bà Th chỉ thừa nhận số tiền 10.000.000đ vay ngày 14/6/2017, bà H chỉ trả góp được 6.000.000đ thì ngưng, còn nợ

lại 4.000.000đ; còn số tiền 10.000.000đ vay ngày 29/6/2017, bà H trả góp được 1.000.000đ thì ngưng, còn nợ lại 9.000.000đ; Bà H khai việc trả tiền góp chỉ có hai người biết và không đưa ra được chứng cứ chứng minh là đã trả hết tiền cho bà Th; Bà Th thì không thừa nhận việc này; Căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh;

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung cấp chứng cứ gì mới có giá trị pháp lý cho yêu cầu kháng cáo, nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bà H. Cấp sơ thẩm xử là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Các phần còn lại của Bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà H không được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148, điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Căn cứ Điều 280; 357, 463; 468, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và các Điều 17; 20; 23; 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi , biêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Ngọc Thúy H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:10/2019/DS-ST ngày 21-5-2019 của Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh An Giang.

Tuyên Xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với bà Trần Ngọc Thúy H về khoản tiền vay 1.000.000đ *(Một triệu đồng).*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với bà Trần Ngọc Thúy H về khoản vay 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với bà Trần Ngọc Thúy H.

- Buộc bà Trần Ngọc Thúy H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Th số tiền nợ hụi: 6.000.000đ và khoản tiền vay 14.000.000đ. Tổng cộng là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Th phải chịu 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền án phí được khấu trừ vào tiền 1.275.000 đồng tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0014410 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB. Bà Th phải nộp thêm 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*.

Bà Trần Ngọc Thúy H phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Ngọc Thúy H phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0014757ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Những Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự " Để thi hành"
- *Lưu: HS.*

Nguyễn Văn Sơn